MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ BIỂU ĐẠT TÍNH LỊCH SỰ CỦA NGƯỜI HÀN QUỐC VÀ ỨNG DỤNG TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG HÀN TẠI VIỆT NAM

Lương Thị Thu Ngân
Khoa tiếng Hàn Quốc, Trường Đại học Hà Nội
Email: nganltt@hanu.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết phân tích các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn hóa Hàn Quốc bao gồm cúi đầu, ánh mắt, biểu cảm khuôn mặt và cử chỉ tay, đồng thời đối chiếu với Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố này đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện tính lịch sự và quan hệ xã hội trong giao tiếp. Qua đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp ứng dụng trong giảng dạy và học tập tiếng Hàn.*

Từ khóa: *giao tiếp phi ngôn ngữ, tính lịch sự, văn hóa*

SOME NON-VERBAL COMMUNICATION BEHAVIORS EXPRESSING POLITENESS IN KOREAN CULTURE AND THEIR APPLICATION TO KOREAN LANGUAGE TEACHING IN VIETNAM

Abstract: *This paper examines non-verbal communication in Korean culture focusing on bowing, eye contact, facial expressions, hand gestures and compares them with those in Vietnamese culture. The findings highlight their role in expressing politeness and social relationships. The study also proposes several pedagogical strategies for the teaching and learning of Korean in Vietnam.*

Keywords: *non-verbal communication, politeness, culture*

Nhận bài: 19/05/2026 *Phản biện: 19/06/2026* *Duyệt đăng: 22/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và giao lưu quốc tế ngày càng sâu rộng, năng lực giao tiếp liên văn hóa trở thành một trong những yêu cầu quan trọng đối với người học ngoại ngữ. Hiệu quả giao tiếp không chỉ phụ thuộc vào khả năng sử dụng ngôn ngữ mà còn chịu tác động bởi các yếu tố phi ngôn ngữ như nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, v.v... Những yếu tố này không chỉ hỗ trợ truyền tải thông tin mà còn phản ánh các giá trị văn hóa, chuẩn mực xã hội và thái độ của người tham gia giao tiếp. Do đó, bên cạnh kiến thức ngôn ngữ, việc hiểu biết và vận dụng phù hợp các yếu tố giao tiếp phi ngôn ngữ được xem là một yêu cầu quan trọng để hình thành năng lực giao tiếp liên văn hóa cho người học ngoại ngữ.

Trong văn hóa Hàn Quốc, tính lịch sự là một chuẩn mực ứng xử quan trọng, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo và ý thức tôn ti trật tự. Bên cạnh hệ thống kính ngữ, người Hàn Quốc còn thể hiện sự tôn trọng và tính lịch sự thông qua nhiều phương thức giao tiếp phi ngôn ngữ như cúi chào, biểu cảm hay trao nhận đồ vật bằng hai tay. Những hành động này không chỉ góp phần duy trì sự hài hòa trong các mối quan hệ xã hội mà còn phản ánh những đặc trưng văn hóa Hàn Quốc.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, nhu cầu học tập tiếng Hàn tại Việt Nam ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, trong quá trình dạy và học tiếng Hàn, nội dung liên quan đến giao tiếp phi ngôn ngữ chưa được đề cập một cách hệ thống, điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng vận dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp thực tế của người học. Từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự của người Hàn Quốc và đề xuất giải pháp vận dụng vào hoạt động giảng dạy, học tập tiếng Hàn tại Việt Nam có ý nghĩa cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa cho người học trong bối cảnh hiện nay.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Giao tiếp phi ngôn ngữ và ngôn ngữ cơ thể là chủ đề đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Tại Hàn Quốc, các nghiên cứu liên quan đến giao tiếp phi ngôn ngữ được triển khai theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Tập trung vào tìm hiểu đặc điểm và vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp cũng như trong giảng dạy có Kim Young Soon (2002) đã đề xuất mô hình giảng dạy tiếng Hàn dựa trên giao tiếp bằng cử chỉ, nhấn mạnh vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong quá trình dạy và học ngoại ngữ. Kim Young Soon và Kim Yeon

Hwa (2007) nghiên cứu hệ thống ký hiệu cơ thể và ngôn ngữ cử chỉ trong văn hóa Hàn Quốc, góp phần làm rõ đặc điểm giao tiếp phi ngôn ngữ của người Hàn. Tiếp cận giao tiếp phi ngôn ngữ từ góc độ lịch sự và quan hệ xã hội tiêu biểu có nghiên cứu của Ahn Mi Kyung (2019) về các chiến lược lịch sự ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp trên môi trường trực tuyến. Nghiên cứu này cho thấy các yếu tố phi ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong việc thể hiện sự tôn trọng, duy trì quan hệ xã hội và giảm thiểu nguy cơ xung đột trong giao tiếp.

Tại Việt Nam, Nguyễn Quang (2007) đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp phi ngôn ngữ, đồng thời làm rõ tầm quan trọng của các yếu tố phi ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp. Nghiên cứu của Phan Thái Bình (2017) đã phân tích những điểm khác biệt cần lưu ý trong ứng xử giữa người Việt Nam và người Hàn Quốc, góp phần làm rõ các yếu tố văn hóa có thể ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp giữa hai dân tộc. Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Hồng (2017) đã tiến hành nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ cơ thể của người Hàn Quốc và người Việt Nam, qua đó chỉ ra những khác biệt trong cách sử dụng các biểu hiện phi ngôn ngữ và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục. Nghiên cứu đã cho thấy vai trò của việc trang bị kiến thức giao tiếp phi ngôn ngữ đối với người học ngoại ngữ, song vấn đề tính lịch sự được thể hiện thông qua các yếu tố phi ngôn ngữ và khả năng vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy tiếng Hàn vẫn chưa được đề cập một cách chuyên sâu.

Phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào việc mô tả các biểu hiện giao tiếp phi ngôn ngữ, ngôn ngữ cơ thể hoặc đối chiếu văn hóa giữa các quốc gia. Các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ tính lịch sự trong giao tiếp phi ngôn ngữ của người Hàn Quốc, đặc biệt là việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động giảng dạy tiếng Hàn tại Việt Nam còn tương đối hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự của người Hàn Quốc và đề xuất giải pháp vận dụng vào hoạt động giảng dạy, học tập tiếng Hàn tại Việt Nam.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài viết là các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự của người Hàn Quốc như cúi đầu, biểu cảm khuôn mặt, ánh mắt, cử chỉ tay.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: người viết tiến hành thu thập, tổng hợp và phân tích các tài liệu, công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến giao tiếp phi ngôn ngữ, tính lịch sự trong giao tiếp. Trên cơ sở đó, xây dựng cơ sở lý thuyết cho việc phân tích các vấn đề về giao tiếp phi ngôn ngữ.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: phân tích những hành động, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ tiêu biểu của người Hàn Quốc, từ đó tổng hợp và hệ thống hóa những giá trị văn hóa cũng như ý nghĩa giao tiếp được thể hiện thông qua các yếu tố này.

Phương pháp so sánh - đối chiếu: so sánh, đối chiếu một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự của người Hàn Quốc với các hành động tương ứng trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam nhằm làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả vận dụng vào dạy và học tiếng Hàn tại Việt Nam.

IV. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

4.1. Khái niệm và chức năng của giao tiếp phi ngôn ngữ

Giao tiếp phi ngôn ngữ là bộ phận không thể tách rời của giao tiếp con người. Theo Knapp (1972), đây là các hành động hoặc biểu hiện ngoài ngôn ngữ mang ý nghĩa xã hội và được gửi hoặc diễn giải có chủ đích. Dwyer (2000) cho rằng giao tiếp phi ngôn ngữ bao gồm mọi thành phần của thông điệp không được mã hóa bằng từ ngữ như giọng nói, biểu cảm và cử chỉ. Kim Young Soon và Kim Yeon Hwa (2007) cũng khẳng định các yếu tố phi ngôn ngữ giữ vai trò quan trọng và vẫn chứa đựng ý nghĩa ngôn ngữ. Có thể hiểu giao tiếp phi ngôn ngữ là quá trình truyền đạt thông tin thông qua ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, tư thế, khoảng cách hay tiếp xúc cơ thể.

Giao tiếp phi ngôn ngữ có các chức năng chính: hỗ trợ và làm rõ lời nói; biểu đạt cảm xúc, thái độ; điều tiết và duy trì các mối quan hệ xã hội thông qua các tín hiệu như gật đầu, mỉm cười hay cúi chào; đồng thời phản ánh các giá trị và chuẩn mực văn hóa của từng quốc gia. Vì vậy, cùng một hành vi phi ngôn ngữ có thể mang ý nghĩa khác nhau giữa các nền văn hóa.

Trong văn hóa Hàn Quốc, các hành vi phi ngôn ngữ chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo và lễ nghi truyền thống. Những hành động như cúi chào, trao nhận đồ vật bằng hai tay, điều chỉnh ánh mắt khi giao tiếp với người lớn tuổi và

sử dụng biểu cảm khuôn mặt phù hợp không chỉ truyền đạt thông tin mà còn thể hiện sự tôn trọng, khiêm nhường và lịch sự.

4.2. Giao tiếp phi ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự của người Hàn Quốc

4.2.1. Hành động cúi đầu

Cúi đầu là một trong những biểu hiện giao tiếp phi ngôn ngữ đặc trưng của người Hàn Quốc và được sử dụng phổ biến trong nhiều tình huống giao tiếp khác nhau. Dưới ảnh hưởng của Nho giáo và ý thức tôn ti trật tự, cúi đầu không chỉ là một động tác mang tính hình thức mà còn là phương thức thể hiện sự tôn trọng, khiêm nhường và lịch sự đối với người đối diện. Thông qua mức độ cúi đầu và hoàn cảnh sử dụng, người Hàn Quốc có thể truyền tải những thông điệp khác nhau mà không cần diễn đạt bằng lời nói.

Trong nghi thức chào hỏi, cúi đầu là một hành động được người Hàn Quốc sử dụng phổ biến và được thực hiện đồng thời với lời chào "안녕하세요?", "안녕하십니까?" (xin chào) hoặc "안녕히 가세요", "안녕히 계세요" (tạm biệt). Đối với người Hàn Quốc, cúi đầu là một phần không thể tách rời của văn hóa chào hỏi, thể hiện sự tôn trọng đối với đối phương. Mức độ cúi đầu được điều chỉnh theo độ tuổi, địa vị, mức độ thân thiết và bối cảnh giao tiếp. Khi chào người lớn tuổi, cấp trên hoặc trong các dịp trang trọng, người Hàn thường cúi sâu hơn để bày tỏ sự kính trọng; ngược lại, với bạn bè hoặc người thân quen, động tác cúi đầu nhẹ hơn.

Hành động cúi đầu không chỉ mang chức năng chào hỏi mà còn phản ánh nhận thức về các mối quan hệ xã hội và nguyên tắc ứng xử phù hợp. Đồng thời, đây là phương tiện tạo bầu không khí giao tiếp lịch sự, hài hòa và trở thành nét văn hóa đặc trưng trong đời sống xã hội của người Hàn Quốc.

Bên cạnh chức năng chào hỏi, hành động cúi đầu trong văn hóa Hàn Quốc còn được sử dụng trong nhiều tình huống giao tiếp khác như xin lỗi, cảm ơn, thể hiện sự đồng tình. Trong những trường hợp này, cúi đầu không chỉ là một hành động nhằm thể hiện tính lịch sự trong giao tiếp mà còn là phương tiện quan trọng để biểu đạt thái độ và cảm xúc của người nói một cách gián tiếp. Trong tình huống xin lỗi, cúi đầu thường được sử dụng như một cách thức nhấn mạnh mức độ chân thành và thái độ nhận lỗi của người nói. Khi mắc sai sót hoặc gây ra bất tiện cho người khác, người Hàn Quốc thường kết hợp lời xin lỗi "미안해요", "미안합니다", "죄송해요", "죄송합니다" với động tác cúi đầu để thể hiện sự hối lỗi và mong muốn được tha thứ. Độ sâu của cúi đầu trong trường hợp này có thể phản ánh mức độ nghiêm trọng của lỗi lầm cũng như sự chân thành trong lời xin lỗi. Cúi đầu càng sâu thì mức độ thể hiện sự hối lỗi càng cao, qua đó góp phần làm giảm căng thẳng và duy trì sự hài hòa trong quan hệ giao tiếp. Trong trường hợp bày tỏ lời cảm ơn "고마워요", 고맙습니다", "감사해요", "감사합니다", cúi đầu cũng được sử dụng như một hành động bổ trợ nhằm tăng cường tính lịch sự và sự trân trọng đối với người đã giúp đỡ mình. Việc kết hợp lời cảm ơn với động tác cúi đầu giúp lời nói trở nên trang trọng hơn, đồng thời thể hiện rõ thái độ biết ơn của người nói. Điều này cho thấy trong văn hóa giao tiếp Hàn Quốc, hành động phi ngôn ngữ thường được kết hợp chặt chẽ với lời nói để tạo nên hiệu quả giao tiếp toàn diện.

Ngoài chức năng chào hỏi, cúi đầu nhẹ hoặc gật đầu còn được dùng như tín hiệu xác nhận, đồng tình và thể hiện sự lắng nghe tích cực trong giao tiếp của người Hàn Quốc. Những phản hồi phi ngôn ngữ này giúp duy trì mạch hội thoại, thể hiện sự hợp tác và lịch sự mà không cần ngắt lời người nói.

Nhìn chung, cúi đầu trong văn hóa Hàn Quốc được sử dụng với tần suất cao và mang nhiều ý nghĩa như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và phản hồi, phản ánh đặc trưng coi trọng thứ bậc, sự tôn trọng và hài hòa trong quan hệ xã hội. Trong khi đó, người Việt cũng sử dụng cúi đầu và gật đầu để chào hỏi hoặc bày tỏ sự đồng tình, nhưng cách sử dụng linh hoạt hơn và không được chuẩn hóa theo mức độ trang trọng như ở Hàn Quốc. Điều này cho thấy giao tiếp phi ngôn ngữ chịu ảnh hưởng rõ rệt của đặc trưng văn hóa và chuẩn mực ứng xử của mỗi quốc gia.

4.2.2. Biểu cảm khuôn mặt

Biểu cảm khuôn mặt là phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ quan trọng, giúp truyền tải cảm xúc, thái độ và thể hiện sự tôn trọng trong giao tiếp. Trong văn hóa Hàn Quốc, người giao tiếp thường sử dụng nụ cười nhẹ và nét mặt ôn hòa để tạo bầu không khí thân thiện, đồng thời hạn chế biểu lộ quá mức các cảm xúc tiêu cực nhằm duy trì sự hài hòa trong quan hệ.

Trong các tình huống trang trọng hoặc khi giao tiếp với người lớn tuổi, cấp trên, người Hàn thường giữ nét mặt nghiêm túc, điềm tĩnh; việc cười hoặc biểu lộ cảm xúc quá mức có thể bị xem là thiếu nghiêm túc. Các biểu hiện như nhíu mày

nhẹ có thể thể hiện sự tập trung hoặc suy nghĩ, nhưng cau có, nhăn mặt thường được hạn chế để đảm bảo tính lịch sự. Khi lắng nghe, người Hàn cũng duy trì biểu cảm phù hợp để thể hiện sự chú ý và tôn trọng người nói.

So với người Việt, vốn có xu hướng bộc lộ cảm xúc trực tiếp và linh hoạt hơn, người Hàn Quốc chú trọng kiểm soát biểu cảm khuôn mặt theo đối tượng và bối cảnh giao tiếp, đặc biệt khi giao tiếp với người có vị thế cao hơn.

4.2.3. Ánh mắt

Ánh mắt là phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ quan trọng, giúp điều chỉnh cuộc trò chuyện, nhận biết thái độ, cảm xúc và mức độ quan tâm của đối phương. Khi giao tiếp trực tiếp, con người thường tập trung quan sát khuôn mặt, vì vậy ánh mắt được xem là "cửa sổ tâm hồn", phản ánh trạng thái tâm lý và ý đồ giao tiếp.

Theo Kim Hyung Sun (2011), các biểu hiện của ánh mắt mang những ý nghĩa khác nhau: mở to mắt thể hiện ngạc nhiên hoặc bối rối; nheo mắt biểu thị sự nghi ngờ; nhìn xuống thể hiện sự dè dặt; còn trợn mắt hoặc ánh mắt đe dọa phản ánh thái độ căng thẳng, tiêu cực.

Ý nghĩa của giao tiếp bằng ánh mắt khác nhau giữa các nền văn hóa. Nếu ở phương Tây, việc nhìn thẳng thể hiện sự tự tin và tôn trọng thì trong văn hóa Hàn Quốc, nhìn trực diện quá lâu có thể bị xem là thiếu lịch sự hoặc mang tính thách thức. Vì vậy, người Hàn thường điều chỉnh ánh mắt theo bối cảnh, đặc biệt khi giao tiếp với người lớn tuổi hoặc cấp trên, bằng cách giảm nhìn trực diện hoặc hướng ánh nhìn xuống để thể hiện sự khiêm nhường và tôn trọng.

4.2.4. Cử chỉ tay

Theo khảo sát của Kim Hyung Sun (2011), cử chỉ tay là phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được người Hàn Quốc sử dụng phổ biến nhất. Các cử chỉ như giơ tay phát biểu, vẫy tay chào, ký hiệu "OK" hay giơ ngón cái thường dùng để điều phối giao tiếp, thể hiện sự đồng ý, khích lệ và duy trì bầu không khí thân thiện. Tuy nhiên, việc sử dụng các cử chỉ này cần phù hợp với bối cảnh; trong giao tiếp trang trọng hoặc với người có địa vị cao, chúng thường được tiết chế hơn.

Một biểu hiện tiêu biểu của tính lịch sự trong văn hóa Hàn Quốc là sử dụng hai tay khi trao hoặc nhận đồ vật, đặc biệt với người lớn tuổi hoặc cấp trên, nhằm thể hiện sự tôn kính và trân trọng. Ngoài ra, cử chỉ tay minh họa trong lời nói cũng được điều chỉnh theo hoàn cảnh: ở môi trường công sở hay các tình huống trang trọng, người nói hạn chế cử chỉ quá mạnh hoặc liên tục; ngược lại, trong giao tiếp thân mật, cử chỉ được sử dụng linh hoạt hơn để hỗ trợ diễn đạt.

Tương tự, người Việt Nam cũng sử dụng cử chỉ tay để hỗ trợ lời nói và thể hiện phép lịch sự. Các cử chỉ như khoanh tay, giơ ngón cái hoặc ký hiệu "OK" thường biểu thị sự lễ phép, đồng ý hoặc khích lệ trong những bối cảnh phù hợp, góp phần tạo sự thân thiện và hiệu quả trong giao tiếp.

4.3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập giao tiếp phi ngôn ngữ trong tiếng Hàn

Trên cơ sở phân tích các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự trong văn hóa Hàn Quốc và đối chiếu với Việt Nam, có thể thấy việc giảng dạy các yếu tố phi ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người học nâng cao năng lực giao tiếp, đồng thời hạn chế những hiểu lầm trong giao tiếp liên văn hóa. Vì vậy, việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập giao tiếp phi ngôn ngữ là cần thiết, góp phần giúp người học không chỉ nắm vững kiến thức ngôn ngữ mà còn hiểu và vận dụng phù hợp trong từng bối cảnh giao tiếp cụ thể.

4.3.1. Hoạt động giảng dạy

Trong giảng dạy, việc tích hợp nội dung giao tiếp phi ngôn ngữ vào bài học cần được thực hiện một cách có hệ thống nhằm giúp người học hình thành năng lực giao tiếp toàn diện, bao gồm cả lời nói và yếu tố phi ngôn ngữ. Giảng viên không chỉ giới thiệu lý thuyết mà cần đưa các yếu tố như cúi đầu, ánh mắt, nét mặt và cử chỉ tay vào trong các hoạt động thực hành cụ thể. Ví dụ, khi dạy Bài 1. 소개 (Giới thiệu), thay vì chỉ luyện hội thoại "안녕하세요?", "안녕하십니까?" giảng viên yêu cầu sinh viên thực hành kèm hành động cúi đầu với mức độ phù hợp tùy theo đối tượng như bạn bè, thầy cô, người lớn tuổi. Cụ thể, khi chào hỏi, giới thiệu với bạn bè, người học có thể cúi đầu nhẹ và giữ ánh mắt thân thiện, nhưng khi chào hỏi giảng viên hoặc người có địa vị cao hơn, cần cúi sâu hơn và giữ thái độ nghiêm túc. Tương tự, trong tình huống xin lỗi, người học không chỉ nói "미안합니다", "죄송합니다" mà còn thực hành cúi đầu với sắc thái thể hiện mức độ chân thành hối lỗi khác nhau.

Mặt khác, cần tăng cường việc sử dụng phương tiện trực quan như video truyền hình thực tế, đoạn phim có tình huống hội thoại để người học quan sát cách sử dụng hành vi phi ngôn ngữ.

Ngoài ra, hoạt động so sánh văn hóa cần được đưa vào giảng dạy nhằm giúp người học nhận diện sự khác biệt giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc. Trong bài học, giảng viên có thể đặt câu hỏi: "Ở Việt Nam, khi chào thầy cô có cúi đầu sâu như người Hàn Quốc không?" hoặc "Cử chỉ khoanh tay khi giao tiếp của người Việt nam và người Hàn Quốc có mang cùng ý nghĩa không?".

Trong hoạt động kiểm tra đánh giá kỹ năng Nói, giảng viên cần đưa yếu tố phi ngôn ngữ vào tiêu chí đánh giá thay vì chỉ tập trung vào ngữ pháp và phát âm. Trong bài kiểm tra nói theo cặp, ngoài việc đánh giá độ chính xác ngôn ngữ, giảng viên có thể xem xét việc người học có sử dụng ánh mắt phù hợp, có thực hiện cúi đầu trong tình huống chào hỏi hay không, cũng như cách sử dụng cử chỉ tay để hỗ trợ diễn đạt.

4.3.2. Hoạt động học tập

Người học cần chủ động rèn luyện giao tiếp phi ngôn ngữ để nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Hàn. Việc học cần gắn với quan sát có mục đích qua phim, chương trình truyền hình hoặc tình huống thực tế, tập trung vào các yếu tố như mức độ cúi đầu, ánh mắt và cách sử dụng hai tay khi trao nhận đồ vật, đồng thời ghi chép để hình thành nhận thức về văn hóa giao tiếp. Bên cạnh đó, người học nên thường xuyên thực hành qua các tình huống mô phỏng như chào hỏi, giới thiệu bản thân và xin lỗi, kết hợp lời nói với cử chỉ phù hợp (cúi đầu nhẹ hoặc sâu tùy vai giao tiếp và mức độ tình huống) để hình thành phản xạ tự nhiên. Ngoài ra, cần điều chỉnh những khác biệt giữa văn hóa giao tiếp Việt Nam và Hàn Quốc, đặc biệt là cách sử dụng ánh mắt; thay vì duy trì ánh nhìn trực diện như trong tiếng Việt, người học cần linh hoạt điều chỉnh khi giao tiếp với người lớn tuổi hoặc cấp trên để thể hiện sự tôn trọng và lịch sự.

V. KẾT LUẬN

Bài viết phân tích các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn hóa Hàn Quốc như cúi đầu, biểu cảm khuôn mặt, ánh mắt và cử chỉ tay, đồng thời đối chiếu với văn hóa Việt Nam. Kết quả cho thấy các yếu tố phi ngôn ngữ không chỉ hỗ trợ lời nói mà còn truyền tải thái độ, cảm xúc và thể hiện tính lịch sự phù hợp với bối cảnh, quan hệ và vai giao tiếp. Từ đó, nghiên cứu đề xuất việc giảng dạy và học tiếng Hàn cần tích hợp cả yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhằm nâng cao năng lực giao tiếp và hạn chế hiểu lầm trong giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt trong môi trường xã hội và nghề nghiệp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ahn, M. K. (2019). 인터넷을 통한 의사소통에서의 언어적•비언어적 공손 전략 분석. 담화와 인지, 26(2).

Dwyer, J. (2000). The business communication handbook (5th ed.). Prentice Hall.

Kim, Y.S, Kim, Y.H. (2007), 몸짓 기호와 손짓 언어, 한국문화사.

Kim, Y.S. (2002), 몸짓 의사소통적 한국어 교수법 모형. 이중언어학, 20, 1-24

Knapp, M. L. (1972). Nonverbal communication in human interaction. Holt, Rinehart and Winston, New York.

Lê Nhân Thành (2004), Lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Ngoại ngữ, 20(4), 26-35.

Lương Văn Hy (chủ biên), Diệp Đình Hoa, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phan Thị Yến Tuyết, Vũ Thị Thanh Hương (2000), Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt. NXB Khoa học Xã hội.

Nguyen, T.H. (2017), 한국인과 베트남인의 신체어 비교 분석 및 상호문화 교육적 개선 방안, 석사학위논문, 이화여자대학교.

Phan Thái Bình (2017). Những cách ứng xử cần chú ý giữa người Việt và người Hàn. Science and Technology Development Journal: Social Sciences and Humanities, 1(4), 19-26